

Số: 2174 /QĐ-ĐHGD

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2018

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh chương trình đào tạo  
trình độ đại học tại Trường Đại học Giáo dục

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Giáo dục thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quy định về Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Giáo dục ban hành theo Quyết định số 568/QĐ-TCCB ngày 02 tháng 07 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Giáo dục;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học tại Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành theo Quyết định số 5115/QĐ-ĐHQGHN ngày 25 tháng 12 năm 2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quy định về mở mới và điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ đại học tại Đại học Quốc gia Hà Nội, ban hành theo Quyết định số 1111/QĐ-ĐHQGHN, ngày 04/04/2018 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 3176/QĐ-ĐHQGHN, ngày 25/09/2018 về việc ủy quyền cho Hiệu trưởng các trường Đại học thành viên thẩm định và ban hành các chương trình đào tạo điều chỉnh của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ kết luận của Hội đồng khoa học và đào tạo Trường Đại học Giáo dục ngày 08/06/2018 về việc thông qua các chương trình đào tạo cử nhân sư phạm được điều chỉnh phù hợp với Đề án tuyển sinh đại học chính quy năm 2018;

Xét đề nghị của Trường Phòng Đào tạo,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Điều chỉnh 06 chương trình đào tạo chuẩn trình độ đại học của Trường Đại học Giáo dục đã được ban hành theo quyết định 3606/QĐ-ĐHQGHN ngày 30/09/2015 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội:

1. Chương trình đào tạo chuẩn ngành Sư phạm Hóa học
2. Chương trình đào tạo chuẩn ngành Sư phạm Vật lý
3. Chương trình đào tạo chuẩn ngành Sư phạm Toán



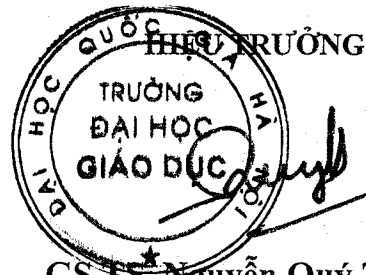
4. Chương trình đào tạo chuẩn ngành Sư phạm Sinh học
5. Chương trình đào tạo chuẩn ngành Sư phạm Ngữ văn
6. Chương trình đào tạo chuẩn ngành Sư phạm Lịch sử

**Điều 2.** Các chương trình đào tạo điều chỉnh này áp dụng từ khóa QH-2018S.

**Điều 3.** Trưởng phòng chức năng, chủ nhiệm Khoa liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT, L7.



GS. TS. Nguyễn Quý Thanh



# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH: SƯ PHẠM LỊCH SỬ

MÃ SỐ: 7140218

(Ban hành theo Quyết định số 2174/QĐ-ĐHGD, ngày 20 tháng 12 năm 2018  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Giáo dục)

## PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:
  - + Tiếng Việt: Sư phạm Lịch sử
  - + Tiếng Anh: History Teacher Education
- Mã số ngành đào tạo: 7140218
- Danh hiệu tốt nghiệp: Cử nhân
- Thời gian đào tạo: 04 năm
- Tên văn bằng tốt nghiệp:
  - + Tiếng Việt: Cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử
  - + Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in History Teacher Education
- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Trường Đại học Giáo dục, ĐHQGHN

### 2. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử có kiến thức sâu rộng về khoa học cơ bản, khoa học giáo dục, có năng lực sư phạm, năng lực nghiên cứu đáp ứng được yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp, tham gia vào sự nghiệp đổi mới giáo dục, đào tạo hiện nay ở nước ta; đồng thời có thể tiếp tục học lên bậc cao hơn và tự học để hoàn thiện và nâng cao trình độ và năng lực làm việc.

### 3. Thông tin tuyển sinh

- Hình thức tuyển sinh: Theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

## **PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **1. Về kiến thức và năng lực chuyên môn**

Tốt nghiệp chương trình đào tạo, sinh viên có kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực đào tạo; có kỹ thuật và kiến thức thực tế để có thể giải quyết các công việc phức tạp; tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực được đào tạo để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn; có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực được đào tạo; và có các kiến thức cụ thể theo các nhóm sau:

#### **1.1. Kiến thức chung**

- Vận dụng được các kiến thức về nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để có được nhận thức và hành động đúng trong cuộc sống, học tập và lao động nghề nghiệp giáo dục;

- Hiểu được những nội dung cơ bản của đường lối đấu tranh cách mạng, các bài học về lý luận và thực tiễn của Đảng Cộng sản Việt Nam để có nhận thức và hành động đúng trong thực tiễn công tác giáo dục và đào tạo Việt Nam;

- Đánh giá và phân tích được các vấn đề an ninh, quốc phòng và có ý thức hành động phù hợp để bảo vệ Tổ quốc;

- Cập nhật được các thành tựu mới của công nghệ thông tin trong nghề nghiệp, sử dụng được các phương tiện công nghệ thông tin trong học tập, nghiên cứu khoa học và công tác trong giáo dục;

- Có kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và giao tiếp ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam;

- Hiểu và vận dụng được những kiến thức khoa học cơ bản về thể dục thể thao vào quá trình tập luyện, tự rèn luyện để củng cố và tăng cường sức khỏe thể chất và tinh thần của cá nhân và cộng đồng.

### **1.2. Khỏi kiến thức theo lĩnh vực**

- Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình hình thành và phát triển tâm lý con người, mối quan hệ giữa quá trình dạy học và quá trình hình thành, phát triển tâm lý học sinh;

- Hiểu và vận dụng được vai trò, mục đích, mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của giáo dục trong cuộc sống xã hội.

### **1.3. Khỏi kiến thức theo khối ngành**

- Phân tích được những nội dung đặc trưng mang tính bản chất của quá trình dạy học, công nghệ dạy học; mối quan hệ biện chứng giữa dạy và học để lựa chọn được phương pháp và công nghệ dạy học phù hợp trong quá trình triển khai;


- Xây dựng được quy trình kiểm tra đánh giá học tập của học sinh từ khâu xác định mục đích, mục tiêu đến việc tổ chức kiểm tra, đánh giá;

- Phân tích được các thành tố cấu thành của chương trình giáo dục, vận dụng vào việc phát triển chương trình giáo dục nhà trường và địa phương cũng như chương trình môn học;

- Xây dựng được quy trình, cách thức và kế hoạch triển khai nghiên cứu khoa học, từ khâu đặt đề bài đến nội dung vấn đề cần nghiên cứu, xác định được phương pháp và công cụ nghiên cứu phù hợp, cách phân tích số liệu hay kết quả nghiên cứu, trình bày được kết quả của công trình nghiên cứu;

- Đề xuất được các biện pháp và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện của nhà trường;

- Xác định và làm tốt vai trò của mình trong việc tư vấn học đường, giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho học sinh;

- Phân tích và vận dụng được các quan điểm lãnh đạo, chính sách về giáo dục của Đảng và Nhà nước và vai trò, trách nhiệm, quyền hạn của người giáo viên/cán bộ quản lý giáo dục được quy định trong Luật Giáo dục. 

#### **1.4. *Khối kiến thức của nhóm ngành***

- Sử dụng được kiến thức cơ bản toàn diện, hệ thống về tiến trình lịch sử dân tộc và nhân loại trong việc học tập các học phần khác (thuộc chuyên ngành lịch sử ở bậc đại học), nghiên cứu và đáp ứng được yêu cầu dạy học Lịch sử ở trường phổ thông;

- Sử dụng được những hiểu biết cơ bản về lịch sử, khoa học lịch sử trong học tập và nghiên cứu lịch sử; vận dụng được tri thức phương pháp luận Sử học vào cuộc sống và hình thành các phương pháp nghiên cứu lịch sử;

- Vận dụng được những hiểu biết về quá trình phát triển của Sử học thế giới và Sử học Việt Nam, kiến thức về khảo cổ học trong học tập các học phần khác (thuộc chuyên ngành lịch sử ở bậc đại học), nghiên cứu và đáp ứng được yêu cầu dạy học Lịch sử ở trường phổ thông.

#### **1.5. *Kiến thức ngành***


- Lựa chọn, vận dụng được các phương pháp, phương tiện phù hợp mục tiêu, nội dung dạy học, đối tượng, hình thức tổ chức dạy học một cách hiệu quả nhất;

- Xây dựng được các công cụ hỗ trợ học sinh tự học và tự kiểm tra đánh giá kết quả học tập;

- Thực hành vận dụng các kĩ thuật dạy học phù hợp đặc trưng môn Lịch sử theo hướng phát huy tính tích cực của học sinh;

- Vận dụng những hiểu biết về một số vấn đề chuyên sâu của lịch sử dân tộc và lịch sử các nước trong khu vực vào học tập, nghiên cứu và đáp ứng yêu cầu dạy học Lịch sử ở trường phổ thông;

- Xác định và thực hiện được vai trò và trách nhiệm của sinh viên trong việc kiến tập, thực tập để triển khai nội dung kiến tập thực tập đúng nội quy và quy định;

- Lập được kế hoạch và khai thác các điều kiện học tập để hoàn thành tốt khoá luận hoặc các học phần thay thế thi tốt nghiệp; 



- Vận dụng được phương pháp nghiên cứu và giảng dạy lịch sử địa phương trong thực tiễn nghề nghiệp.

## **1.6. Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

## **2. Về kĩ năng**

### **2.1. Kĩ năng chuyên môn**

#### **2.1.1. Các kĩ năng nghề nghiệp**

- Có kĩ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành được đào tạo trong những bối cảnh khác nhau; có kĩ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực được đào tạo; có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề quy mô địa phương và vùng miền;

- Lựa chọn hoặc xây dựng được các công cụ và sử dụng được các phương pháp thu thập, xử lý thông tin về người học; điều kiện cơ sở vật chất kĩ thuật phục vụ dạy – học; các điều kiện về môi trường nhà trường, gia đình và xã hội hỗ trợ cho việc dạy và học;

- Sử dụng các thông tin xử lý được từ việc phân tích chương trình và nội dung học phần, tìm hiểu người học, môi trường để xác định được hệ thống mục tiêu kiến thức, kĩ năng, thái độ và các mục tiêu khác cần đạt được sau bài học, học phần;



- Hiểu và xây dựng được các hình thức dạy học, phương pháp, phương tiện dạy học, công cụ dạy học cho từng nội dung cụ thể, phù hợp với khả năng và sở trường của bản thân, đối tượng và mục tiêu dạy học trong kế hoạch dạy học;

- Khai thác và sử dụng được các điều kiện hỗ trợ trong triển khai dạy học, sử dụng các hình thức và phương pháp dạy học phù hợp; nhận diện và lựa chọn được phương án xử lý tốt các tình huống sư phạm nảy sinh;

- Xây dựng và vận hành được quy trình kiểm tra – đánh giá học tập của học sinh và các điều kiện cần thiết để triển khai quy trình một cách hiệu quả;

- Phát triển được chương trình phù hợp với đối tượng học sinh, nhà trường, địa phương;

- Hiểu rõ cách thức khai thác và sử dụng các thông tin đánh giá kết quả học tập của người học, lưu trữ để hỗ trợ và theo dõi sự tiến bộ của người học, từ đó điều chỉnh và cải tiến chất lượng dạy học;

- Sẵn sàng xây dựng và triển khai được hồ sơ, kế hoạch công tác dạy học, giáo viên chủ nhiệm, giáo dục, quản lý học sinh cho năm học, học kì, từng tháng và tuần; Xây dựng và tổ chức được các kế hoạch triển khai hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp phù hợp với mục tiêu giáo dục;

- Có các hành vi ứng xử phù hợp hoàn cảnh tùy thuộc vào hành vi của người học; tư vấn, hỗ trợ để người học tự ra quyết định và giải quyết vấn đề của cá nhân, điều chỉnh hành vi, thái độ, khơi dậy lòng tự trọng, tự tôn giá trị và tự hoàn thiện bản thân;

- Hiểu rõ vai trò và tổ chức được các hoạt động trải nghiệm và xây dựng môi trường giáo dục để thuyết phục, cảm hóa, thay đổi hành vi và nhận thức của học sinh theo hướng tích cực.

### *2.1.2. Kỹ năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề*

Phát hiện và hình thành được vấn đề nghiên cứu, phân tích và đề xuất được giải pháp phù hợp thực tiễn dạy học.

### *2.1.3. Kỹ năng nghiên cứu và khám phá kiến thức*



Cập nhật kiến thức, tổng hợp tài liệu, xây dựng nguồn tài liệu tham khảo, hỗ trợ dạy học học phần (Lịch sử).

#### 2.1.4. *Kỹ năng đánh giá bối cảnh xã hội, tổ chức*

Đánh giá được bối cảnh lịch sử, văn hóa dân tộc và bối cảnh toàn cầu đối với giáo dục nói chung, dạy học lịch sử nói riêng từ đó có những thích ứng kịp thời nhằm phát triển nghề nghiệp chuyên môn.

#### 2.1.5. *Kỹ năng vận dụng sáng tạo các kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn nghề nghiệp*

- Sử dụng một số phương pháp, công nghệ cơ bản, hiện đại để tiến hành các công việc chuyên môn về nghiên cứu và dạy học Lịch sử;

- Cập nhật kiến thức, đề xuất các ý tưởng cải tiến việc dạy học học phần, viết và phổ biến các sáng kiến kinh nghiệm cho học phần, hình thành các ý tưởng nghiên cứu hoặc tham gia các đề tài nghiên cứu phù hợp với chuyên môn.

### 2.2. **Kỹ năng hỗ trợ**

#### 2.2.1. *Các kỹ năng cá nhân*

- Có khả năng tự học và học tập suốt đời;

- Thu thập và tổng hợp tài liệu, quản lý thời gian, thích ứng với sự thay đổi...

#### 2.2.2. *Làm việc theo nhóm*

- Có khả năng thành lập nhóm, xây dựng và triển khai kế hoạch làm việc của nhóm, chấp nhận sự khác biệt vì mục tiêu chung;

- Thay đổi nhóm để thích ứng với hoàn cảnh.

#### 2.2.3. *Kỹ năng quản lý, lãnh đạo*

Có khả năng ra quyết định, lập kế hoạch và tổ chức thực hiện, kiểm tra các hoạt động trong trường, trong lớp phụ trách.

#### 2.2.4. *Hoạt động xã hội*

Tổ chức được các hoạt động xã hội đa dạng, phù hợp đặc điểm lứa tuổi, mục tiêu dạy học, giáo dục. *Ue*

### 2.2.5. *Kỹ năng giao tiếp*

Có khả năng thuyết trình, giao tiếp hiệu quả giữa các cá nhân, giao tiếp bằng văn bản hoặc email.

### 2.2.6. *Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, tin học*

- Có kỹ năng ngoại ngữ chuyên ngành ở mức có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến ngành được đào tạo; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn;

- Sử dụng được tin học văn phòng cơ bản phù hợp công việc chuyên môn.

## 3. Về phẩm chất đạo đức

### 3.1. *Phẩm chất đạo đức cá nhân*

Kiên trì, có ý thức trách nhiệm, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; tự tin, chủ động, linh hoạt, say mê công việc.

### 3.2. *Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp*

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức nhà giáo;

- Yêu nghề, yêu học sinh, nhiệt tình trong công tác;


- Tác phong chuyên nghiệp, thể hiện tác phong mẫu mực của người giáo viên.

### 3.3. *Phẩm chất đạo đức xã hội*

- Có tinh thần dân tộc, hiểu biết về văn hóa dân tộc Việt Nam;

- Có ý thức về an ninh quốc phòng toàn dân, thể hiện lập trường vững vàng và sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc.

## 4. Những vị trí trí công tác người học có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp

- Làm công tác nghiên cứu ở tổ chức, cơ quan quản lý giáo dục, các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, đặc biệt về lĩnh vực Sử học, Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Lịch sử; 

- Làm công tác giảng dạy lịch sử tại các trường đại học, cao đẳng, phổ thông trung học. Có khả năng hướng dẫn và bồi dưỡng học sinh giỏi Lịch sử tại các trường phổ thông;

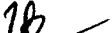
- Làm công tác quản lý tư liệu lịch sử, quản lý bảo tàng, di tích lịch sử...;

- Làm công tác lịch sử, văn hoá ở các cơ quan nhà nước, đoàn thể xã hội;

- Làm những công việc liên quan đến những vấn đề khác nhau thuộc khối khoa học xã hội và nhân văn.

#### **5. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

- Có khả năng tự học tập về các vấn đề lí luận và thực tiễn có liên quan đến dạy học lịch sử ở trường phổ thông;

- Cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử có cơ hội học lên bậc cao hơn (thạc sĩ, tiến sĩ) các chuyên ngành thuộc lĩnh vực Lịch sử và Lý luận, phương pháp dạy học lịch sử. 

### PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo:

133 tín chỉ

- **Khối kiến thức chung:** 27 tín chỉ  
(chưa tính các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – an ninh và Kỹ năng bổ trợ)
- **Khối kiến thức theo lĩnh vực:** 6 tín chỉ
- **Khối kiến thức theo khối ngành:** 18 tín chỉ
  - + *Bắt buộc:* 12 tín chỉ
  - + *Tự chọn:* 6 tín chỉ / 12 tín chỉ
- **Khối kiến thức theo nhóm ngành:** 42 tín chỉ
  - + *Bắt buộc:* 31 tín chỉ
  - + *Tự chọn:* 11 tín chỉ / 21 tín chỉ
- **Khối kiến thức ngành:** 40 tín chỉ
  - + *Bắt buộc:* 14 tín chỉ
  - + *Tự chọn:* 16 tín chỉ / 21 tín chỉ
  - + *Kiến thức thực tập và tốt nghiệp:* 10 tín chỉ

## 2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I.		<b>Khởi kiến thức chung</b> (chưa tính các học phần từ 9-11)	27				
1	PHI1004	Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1 <i>Fundamental Principles of Marxism – Leninism 1</i>	2	24	6		
2	PHI1005	Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2 <i>Fundamental Principles of Marxism – Leninism 2</i>	3	36	9		PHI1004
3	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh Ideology</i>	2	20	10		PHI1005
4	HIS1002	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam <i>The Revolutionary Line of the Communist Party of Vietnam</i>	3	42	3		POL1001
5	INT1004	Tin học cơ sở 2 <i>Introduction to Informatics 2</i>	3	17	28		
6		Ngoại ngữ cơ sở 1 <i>Foreign Language 1</i>	4	16	40	4	
	FLF2101	Tiếng Anh cơ sở 1 <i>General English 1</i>					
	FLF2201	Tiếng Nga cơ sở 1 <i>General Russian 1</i>					
	FLF2301	Tiếng Pháp cơ sở 1 <i>General French 1</i>					
	FLF2401	Tiếng Trung cơ sở 1 <i>General Chinese 1</i>					
7		Ngoại ngữ cơ sở 2 <i>Foreign Language 2</i>	5	20	50	5	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
	FLF2102	Tiếng Anh cơ sở 2 <i>General English 2</i>					FLF2101
	FLF2202	Tiếng Nga cơ sở 2 <i>General Russian 2</i>					FLF2201
	FLF2302	Tiếng Pháp cơ sở 2 <i>General French 2</i>					FLF2301
	FLF2402	Tiếng Trung cơ sở 2 <i>General Chinese 2</i>					FLF2401
8		Ngoại ngữ cơ sở 3 <i>Foreign Language 3</i>	5	20	50	5	
	FLF2103	Tiếng Anh cơ sở 3 <i>General English 3</i>					FLF2102
	FLF2203	Tiếng Nga cơ sở 3 <i>General Russian 3</i>					FLF2202
	FLF2303	Tiếng Pháp cơ sở 3 <i>General French 3</i>					FLF2302
	FLF2403	Tiếng Trung cơ sở 3 <i>General Chinese 3</i>					FLF2402
9		Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	4				
10		Giáo dục quốc phòng-an ninh <i>National Defence Education</i>	8				
11		Kỹ năng bổ trợ <i>Soft Skills</i>	3				
<b>II.</b>		<b>Khối kiến thức theo lĩnh vực</b>	<b>6</b>				
12	PSE2001	Đại cương về tâm lý và tâm lý học nhà trường <i>General Psychology and School Psychology</i>	3	30	12	3	
13	PSE2002	Giáo dục học <i>Pedagogy</i>	3	30	15		



STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
<b>III.</b>		<b>Khối kiến thức theo khối ngành</b>	<b>18</b>				
<b>III.1.</b>		<b>Các học phần bắt buộc</b>	<b>15</b>				
14	TMT1001	Lý luận và Công nghệ dạy học <i>Teaching Theories and Instruction Technology</i>	3	17	25	3	PSE2001 PSE2002
15	EDM2001	Phát triển chương trình giáo dục phổ thông <i>School Education Curriculum Development</i>	3	36	6	3	PSE2002
16	PSE2003	Thực hành Sư phạm và phát triển kỹ năng cá nhân, xã hội <i>Pedagogical Practices and the Development of Social and Personal Skills</i>	3	17	25	3	PSE2001 PSE2002
17	PSE2004	Phương pháp nghiên cứu khoa học <i>Research Methodology</i>	3	26	16	3	
18	EDM2002	Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo <i>Administrative Management and Management of Education</i>	3	36	6	3	
<b>III.2</b>		<b>Các học phần tự chọn</b>	<b>3/9</b>				
19	EAM1001	Đánh giá trong giáo dục <i>Assessment in Education</i>	3	33	9	3	
20	PSE2005	Tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường <i>Organization of School Educational Activities</i>	3	18	24	3	PSE2001 PSE2002
21	PSE2006	Tư vấn tâm lý học đường <i>Psychological Counseling in Schools</i>	3	17	25	3	PSE2001 PSE2002

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
IV.		<b>Khối kiến thức theo nhóm ngành</b>	<b>42</b>				
IV.1		<b>Các học phần bắt buộc</b>	<b>31</b>				
22	HIS2061	Lịch sử Việt Nam cổ-trung đại <i>Ancient and Medieval History of Vietnam</i>	4	56	4		
23	HIS2019	Lịch sử Việt Nam cận đại <i>Modern History of Vietnam</i>	3	42	3		HIS2061
24	HIS2104	Lịch sử Việt Nam hiện đại <i>Contemporary History of Vietnam</i>	4	56	4		HIS2019
25	HIS2064	Lịch sử Thế giới cổ- trung đại <i>Ancient and Medieval History of the World</i>	4	56	4		
26	HIS2006	Lịch sử Thế giới cận đại <i>Modern History of the World</i>	3	42	3		HIS2064
27	HIS2065	Lịch sử Thế giới hiện đại <i>Contemporary History of the World</i>	4	56	4		HIS2006
28	HIS 1056	Cơ sở văn hoá Việt Nam <i>Vietnamese cultural establishments</i>	3	30	15		
29	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	3	42	3		
30	LIN2033	Dẫn luận ngôn ngữ học <i>Introduction to Linguistics</i>	3	45			
IV.2.		<b>Các học phần tự chọn</b>	<b>11/21</b>				
31	HIS2020	Lịch sử sử học <i>History of the Historiography</i>	4	56	4		

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
32	HIS2010	Cơ sở khảo cổ học <i>Introduction to Archeology</i>	3	42	3		
33	HIS3125	Làng xã Việt Nam trong lịch sử <i>Vietnamese Villages in History</i>	3	42	3		HIS2061
34	HIS3001	Đô thị cổ Việt Nam <i>Ancient Cities of Vietnam</i>	2	28	2		HIS2061
35	HIS3018	Các tôn giáo thế giới <i>World Religions</i>	2	28	2		
36	HIS2016	Sự phát triển kinh tế- xã hội của các nước Đông Bắc Á <i>Socio-Economic Development in the East-Asian Countries</i>	2	28	2		
37	HIS2017	Sự phát triển kinh tế- xã hội của các nước Đông Nam Á <i>Socio-Economic Development in the Southeast Asian Countries</i>	2	28	2		
38	HIS3078	Sử liệu học và các nguồn sử liệu lịch sử Việt Nam <i>The Study of Historical Documents and Historical Sources in Vietnam</i>	3	42	3		
<b>V.</b>		<b>Khối kiến thức ngành</b>	<b>30</b>				
<b>V.1.</b>		<b>Các học phần bắt buộc</b>	<b>14</b>				
39	TMT2060	Phương pháp dạy học Lịch sử <i>Methodology of History Teaching</i>	3	9	33	3	TMT1001 EAM1001
40	TMT2061	Thực hành dạy học Lịch sử <i>Practice of History Teaching</i>	3	6	36	3	TMT2060

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
41	HIS3107	Một số phương pháp nghiên cứu lịch sử <i>Some Methods in Historical Research</i>	4	56	4		
42	HIS3003	Tiếp xúc văn hóa Đông-Tây ở Việt Nam thời cận đại <i>East-West Acculturation in Modern Vietnam</i>	2	28	2		HIS2019
43	HIS3128	Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam <i>The People's National Democratic Revolution of Vietnam</i>	2	28	2		HIS2104
V.2.		<b>Các học phần tự chọn</b>	<b>16/21</b>				
44	TMT2062	Kỹ thuật dạy học Lịch sử <i>History Teaching Techniques</i>	3	18	27		TMT2060
45	TMT2063	Thực hành sử dụng phương tiện công nghệ trong dạy học Lịch sử <i>Practice of Using Technology in History Teaching</i>	3	9	33	3	TMT1001
46	HIS3127	Nguyễn Ái Quốc và sự truyền bá Chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam <i>Nguyen Ai Quoc and the Dissemination of Marxist-Leninist Ideology into Vietnam</i>	3	42	3		HIS2019
47	HIS3007	Lịch sử chống ngoại xâm bảo vệ Tổ quốc Việt Nam thời cổ trung đại <i>Wars of Resistance Against Foreign Invasion in Ancient and Medieval Vietnam</i>	2	28	2		HIS2061

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
48	HIS3010	Các khuynh hướng tư tưởng giải phóng dân tộc ở Việt Nam thời cận đại <i>Tendencies of Liberation Thoughts in Modern Vietnam</i>	2	28	2		HIS2019
49	HIS3082	Quan hệ thương mại truyền thống ở khu vực Biển Đông <i>Traditional Trade Relations in the East Sea</i>	2	28	2		HIS2064
50	HIS3024	Đặc điểm quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh <i>Main Features of International Relations after the Cold War</i>	2	28	2		HIS2065
51	HIS3025	Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ từ sau Chiến tranh Thế giới thứ hai <i>The U.S Foreign Policies after World War II</i>	2	28	2		HIS2065
52	HIS3097	Biến đổi kinh tế- xã hội Việt Nam 1945-2000 <i>Vietnam's Socio - Economic Transformation, 1945-2000</i>	2	28	2		HIS2104
V.3		<b>Kiến thức thực tập và tốt nghiệp</b>	<b>10</b>				
53	TMT3001	Thực tập sư phạm <i>Pedagogical Practicum</i>	4				
54	TMT4001	Khóa luận tốt nghiệp <i>Undergraduate Thesis</i>	6				
		<b>Các môn thay thế khóa luận</b>	<b>6</b>				
		<i>Các học phần bắt buộc</i>	3				



*Handwritten signature or mark.*

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
55	TMT2064	Lí luận, công nghệ dạy học hiện đại môn Lịch sử <i>History Teaching Theories and Technology</i>	3				
		<i>Các học phần tự chọn</i>	3/12				
56	HIS4059	Quá trình dân tộc-lãnh thổ của Việt Nam <i>The Process of National and Territorial Formation of Vietnam</i>	3	39	6		
57	TMT4002	Phương pháp dạy học trong môi trường học tập trực tuyến <i>Teaching Methodology for Online Learning Environment</i>	3	17	25	3	TMT1001
58	TMT2065	Nghiên cứu và dạy học Lịch sử địa phương <i>Local History Researching and Teaching</i>	3	21	18	6	
59	PSE4009	Tư vấn hướng nghiệp <i>Vocational Orientation Counselling</i>	3	30	15		PSE2002
		<b>Tổng cộng</b>	<b>133</b>				

**Ghi chú:** Học phần Ngoại ngữ thuộc Khối kiến thức chung được tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo, nhưng kết quả đánh giá các học phần này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung các học phần và điểm trung bình chung tích lũy.